

Số: 29 /2022/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết, trả lời kiến nghị
của cử tri trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 525/2012/NQLT/UBTVQH13-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 33/2017/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri do Quốc hội chuyển đến;

Căn cứ Quyết định số 30/2020/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri do Quốc hội chuyển đến ban hành kèm theo Quyết định số 33/2017/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2017;

Thực hiện Nghị quyết số 523/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiếp nhận, phân loại chuyển đơn có thẩm quyền giải quyết, đôn đốc và giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri qua hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2026;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 3635/TTr-VP ngày 21/9/2022 và Báo cáo thẩm định số 268/BC-STP ngày 20/9/2022 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tiếp nhận, giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

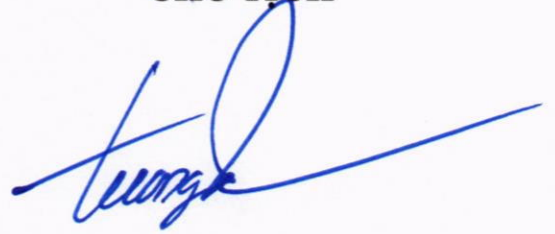
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2022.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo và Chuyên viên VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tường Văn



QUY CHẾ

**Tiếp nhận, giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

(Kèm theo Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là các sở, ban, ngành, địa phương) trong công tác phối hợp, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo của công dân không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Quy chế này. Việc xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Kiến nghị của cử tri phải được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương tiếp nhận, giải quyết, trả lời theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình tiếp nhận, giải quyết. Đối với các nội dung có tính cấp thiết (như liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh....): khi nhận được kiến nghị của cử tri, các cơ quan, đơn vị phải khẩn trương rà soát, tiếp nhận và giải quyết để bảo đảm tính kịp thời.

2. Việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri là nhiệm vụ quan trọng trong chương trình công tác hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương; là một trong những tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng hằng năm của các sở, ban, ngành, địa phương và của cá nhân thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri phải bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, đầy đủ, đúng trọng tâm, báo cáo kết quả về các cơ quan, đơn vị đã chuyển kiến nghị hoặc phân công giải quyết kiến nghị và trả lời cử tri theo đúng quy định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

“Kiến nghị cử tri” được điều chỉnh bởi Quy chế này là ý kiến bày tỏ tâm tư, nguyện vọng hoặc đề xuất, yêu cầu của cử tri về đời sống, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại... do Đại biểu Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh) và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền nhận được thông qua các đợt tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp, các đợt tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, tiếp xúc cử tri tại nơi công tác, nơi cư trú, tiếp công dân và kết quả giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân đã được tổng hợp và gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để giải quyết, trả lời theo thẩm quyền.

Điều 4. Phân loại kiến nghị của cử tri

1. Phân loại theo thẩm quyền giải quyết

a) Kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là các kiến nghị có nội dung liên quan đến việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản và hoạt động chỉ đạo, điều hành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; kiến nghị liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực quản lý mà chưa xác định được sở, ban, ngành, địa phương chủ trì giải quyết, trả lời;

b) Kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của các sở, ban, ngành là những kiến nghị có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành;

c) Kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của địa phương là những kiến nghị có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

2. Phân loại theo kết quả giải quyết

a) Kiến nghị của cử tri đã được giải quyết xong là những kiến nghị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương giải quyết dứt điểm trên thực tế hoặc đã ban hành văn bản giải quyết, trả lời theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật;

b) Kiến nghị của cử tri đang giải quyết là những kiến nghị đang được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương tiếp nhận, giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Kiến nghị của cử tri sẽ giải quyết là những kiến nghị dự kiến được giải quyết trên cơ sở đã có văn bản, kế hoạch ban hành về thời gian, tiến độ giải quyết hoặc đã có kế hoạch bố trí nguồn lực thực hiện;

d) Kiến nghị của cử tri được giải trình, thông tin lại là những kiến nghị có nội dung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương giải quyết, có văn bản trả lời hoặc nội dung có liên

quan đến cơ chế, chính sách, pháp luật đã được quy định trong các văn bản pháp luật và quy định của các cơ quan có thẩm quyền; các kiến nghị chưa thể giải quyết được do chưa có quy định của pháp luật, quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do chưa có nguồn lực để thực hiện, chưa xác định được thời gian cụ thể.

3. Phân loại theo lĩnh vực

- a) Kiến nghị thuộc lĩnh vực xây dựng chính quyền.
- b) Kiến nghị thuộc lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường.
- c) Kiến nghị thuộc lĩnh vực đầu tư công.
- d) Kiến nghị thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao.
- đ) Kiến nghị thuộc lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội.
- e) Kiến nghị thuộc lĩnh vực dân tộc, tôn giáo.
- g) Kiến nghị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Chương II **TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI**

Điều 5. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tiếp nhận, phân loại kiến nghị của cử tri do Đại biểu Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chuyển đến có nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản tổng hợp kiến nghị của cử tri do Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chuyển đến: Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm phân loại kiến nghị, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công các sở, ban, ngành, địa phương tiếp nhận, giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

3. Đối với các kiến nghị có nội dung chưa rõ ràng, trùng lặp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động phối hợp với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan làm rõ nội dung, phân loại, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công các sở, ban, ngành, địa phương xem xét, giải quyết trả lời cử tri.

4. Đối với các kiến nghị có nội dung liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì hoặc tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công một cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất biện pháp giải quyết và trả lời cử tri.

5. Đối với các kiến nghị có nội dung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương giải quyết, trả lời theo đúng quy định của pháp luật từ các kỳ họp trước nhưng cử tri vẫn tiếp tục kiến nghị thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, rà soát và tổng hợp tham mưu UBND tỉnh có văn bản thông báo đến cử tri (*kèm theo văn bản đã thông báo kết quả giải quyết, trả lời trước đó*), Đại biểu Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh nơi có cử tri kiến nghị và các cơ quan liên quan biết, theo dõi trả lời cử tri, đồng thời thông báo, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã nơi có cử tri kiến nghị chỉ đạo thực hiện việc niêm yết công khai văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có cử tri kiến nghị.

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương

1. Cử đại diện lãnh đạo tham gia các hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (theo yêu cầu của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc theo đề nghị của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để kịp thời nắm bắt tình hình, trực tiếp giải quyết, trả lời các kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị hoặc tiếp nhận để chỉ đạo các bộ phận liên quan phối hợp, giải quyết, trả lời cử tri.

2. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phân loại, làm rõ nội dung kiến nghị của cử tri có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành, địa phương. Tiếp nhận kiến nghị của cử tri do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công theo từng lĩnh vực, địa bàn quản lý nhà nước của sở, ban, ngành, địa phương để xử lý.

3. Đối với các kiến nghị của cử tri do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công nhiệm vụ trả lời có nội dung chưa rõ ràng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phân công trả lời kiến nghị, các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan để làm rõ các kiến nghị; đồng thời, tách nội dung kiến nghị theo từng ngành, lĩnh vực và giải quyết, trả lời theo thẩm quyền.

4. Đối với kiến nghị đã được sở, ban, ngành, địa phương tiếp nhận, giải quyết, trả lời theo đúng quy định của pháp luật ở các kỳ họp trước nhưng cử tri vẫn tiếp tục kiến nghị: Các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị phải tham mưu UBND tỉnh có văn bản thông báo đến cử tri (*kèm theo văn bản đã thông báo kết quả giải quyết, trả lời trước đó*) và địa phương nơi có cử tri kiến nghị, đồng thời báo cáo Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh nơi có cử tri kiến nghị và các cơ quan liên quan biết, theo dõi trả lời cử tri.

5. Đối với kiến nghị của cử tri không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết của các sở, ban, ngành, địa phương: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phân công trả lời kiến nghị, các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo lại Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, điều chỉnh, chuyển đến sở, ban, ngành, địa phương khác có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

6. Đối với kiến nghị của cử tri đã được các sở, ban, ngành, địa phương tiếp nhận, giải quyết và có văn bản trả lời nhưng nội dung trả lời không chính xác, chưa đầy đủ, chưa phù hợp với quy định của pháp luật: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kiểm tra lại thông tin, các sở, ban, ngành, địa phương phải có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, điều chỉnh lại thông tin và có văn bản đính chính, bổ sung gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan để tổng hợp, trả lời cử tri.

7. Đối với những vấn đề cử tri kiến nghị kéo dài chưa được giải quyết, có liên quan trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức đơn vị hoặc trong quá trình xem xét giải quyết còn nhiều ý kiến khác nhau: Sở, ban, ngành, địa phương được giao chủ trì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Tổ công tác liên ngành có sự tham gia của đại diện các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh để tiến hành rà soát, phân loại những nội dung kiến nghị không thuộc thẩm quyền giải quyết, nội dung không thể giải quyết thì đề xuất đưa ra khỏi danh mục kiến nghị.

Chương III

TRÁCH NHIỆM GIẢI QUYẾT, TRẢ LỜI, BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT, TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI

Điều 7. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Là cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri của các sở, ban, ngành, địa phương; đề nghị sở, ban, ngành, địa phương báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hằng tháng, tiến hành kiểm điểm kết quả giải quyết kiến nghị cử tri, phản ánh của nhân dân; hằng quý có báo cáo kết quả về Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh nhằm tăng trách nhiệm của các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị trong việc phối hợp giải quyết kiến nghị cử tri.

2. Đối với kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của Quy chế này, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương nghiên cứu giải quyết, trả lời cử tri hoặc báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho một sở, ban, ngành, địa phương chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành, địa phương có liên quan nghiên cứu, giải quyết, trả lời cử tri. Sở, ban, ngành, địa phương được giao chủ trì phải gửi văn bản về việc

giải quyết, trả lời cử tri đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Trường hợp phát hiện thông tin, số liệu về việc giải quyết, trả lời cử tri của các sở, ban, ngành, địa phương không chính xác hoặc không thống nhất với các tài liệu, báo cáo khác, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện được thông tin số liệu không chính xác hoặc không thống nhất, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải kịp thời trao đổi với các sở, ban, ngành, địa phương bằng văn bản, fax hoặc thư điện tử để rà soát, chuẩn xác lại.

4. Trong quá trình phối hợp, theo dõi, đôn đốc, nếu nhận được thông tin phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc các sở, ban, ngành, địa phương giải quyết, trả lời cử tri không đúng quy định của pháp luật hoặc việc triển khai các công việc không đúng với cam kết đã trả lời, thông tin với cử tri, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra các thông tin phản hồi và trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, phải có văn bản đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phản hồi để biết. Trường hợp kiểm tra phát hiện thông tin phản hồi chưa chính xác, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản thông báo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin phản hồi biết.

5. Phối hợp với Trung tâm Truyền thông tỉnh thực hiện đăng tải kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản trả lời cử tri; chủ động cung cấp thông tin về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri đến địa phương có cử tri kiến nghị để thông báo cho cử tri. Tổng hợp kết quả giải quyết trả lời kiến nghị của cử tri của các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vào cuối năm để xem xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, địa phương; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương.

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương

1. Người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri đúng các quy định của pháp luật và quy định của Quy chế này; báo cáo tổng hợp đầy đủ về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức liên quan; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương được giao chủ trì giải quyết, trả lời kiến nghị phải chủ động, thường xuyên phối hợp, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các kiến nghị đã được giao cho cơ quan mình và các cơ quan phối hợp, không để kiến nghị tồn đọng, kéo dài:

a) Đối với các kiến nghị liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của nhiều sở, ban, ngành, địa phương được giao cho một cơ quan chủ trì nghiên cứu giải quyết, trả lời. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được kiến nghị, cơ quan được giao chủ trì giải quyết, trả lời phải có văn bản gửi đến các cơ quan có liên quan đề nghị phối hợp giải quyết, trả lời kiến nghị.

b) Các sở, ban, ngành, địa phương được giao phối hợp có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ trì để giải quyết, trả lời cử tri, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì, sở, ban, ngành, địa phương được đề nghị phối hợp phải có văn bản trả lời gửi đến cơ quan chủ trì giải quyết, trả lời cử tri theo đúng quy định của pháp luật và của Quy chế này.

c) Đối với các kiến nghị mà việc giải quyết liên quan đến nhiều sở, ban, ngành, địa phương, vượt quá khả năng, điều kiện hoặc có khó khăn, vướng mắc thì cơ quan được giao chủ trì phải chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan và trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị phải có văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

3. Đối với các kiến nghị có nội dung trùng lặp (cử tri ở các địa phương khác nhau có nội dung kiến nghị tương tự nhau hoặc kiến nghị ở cùng một địa phương nhưng trùng lặp nội dung) thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết, trả lời và thông báo kết quả giải quyết bằng một văn bản đồng thời gửi đến tất cả UBND các địa phương có kiến nghị trùng lặp và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định.

4. Đối với kiến nghị liên quan đến việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các chính sách, pháp luật cần có nhiều thời gian để nghiên cứu, tổng kết, đánh giá, tuân thủ các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản hoặc kiến nghị khi thực hiện giải quyết cần phải có nguồn lực phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, chưa xác định được thời gian giải quyết thì các cơ quan được giao chủ trì phải có văn bản giải trình cụ thể về tình hình khó khăn, điều kiện và nguồn lực để thực hiện, xác định rõ lộ trình, phương hướng giải quyết, trả lời để cử tri biết.

5. Thường xuyên chủ động rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả giải quyết kiến nghị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền.

6. Trường hợp nội dung giải quyết, trả lời kiến nghị của các sở, ban, ngành, địa phương không chính xác, chưa đầy đủ, chưa phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị hoặc số liệu chưa nhất quán thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương phải rà soát, điều chỉnh lại và có văn bản đính chính, bổ sung làm rõ các thông tin theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của các địa phương liên quan đến các kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của

chính quyền địa phương nhưng vượt quá khả năng hoặc có khó khăn, vướng mắc liên quan đến thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan phải có văn bản trả lời địa phương hoặc phải có văn bản đề xuất, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến chỉ đạo.

8. Văn bản trả lời cử tri phải được gửi đến Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh nơi có cử tri kiến nghị; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản trả lời cử tri, các sở, ban, ngành, địa phương chủ trì giải quyết có trách nhiệm gửi đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh trừ trường hợp kiến nghị có nội dung, thông tin quy định tại Điều 11 Quy chế này.

9. Chủ động cung cấp thông tin về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan mình cho Trung tâm Truyền thông tỉnh, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Ủy ban nhân dân các địa phương có cử tri kiến nghị để kịp thời nắm bắt, thông tin đến cử tri.

Điều 9. Báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hàng tháng tổng hợp, kiểm điểm kết quả giải quyết kiến nghị cử tri, phản ánh của nhân dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tăng cường phối hợp tổ chức các phiên giải trình giữa 02 kỳ họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc giám sát giải quyết kiến nghị cử tri gửi tới các kỳ họp để giảm thiểu việc tồn đọng các kiến nghị cử tri;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri gửi Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh định kỳ hàng quý và báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri theo yêu cầu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của sở, ban, ngành, địa phương:

Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động theo dõi, rà soát, tổng hợp đánh giá kết quả giải quyết kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh. Báo cáo bao gồm các nội dung sau:

a) Số lượng kiến nghị do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công, trong đó phân loại cụ thể theo lĩnh vực và kết quả giải quyết theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Quy chế này;

b) Đối với các kiến nghị đã giải quyết xong nêu tại điểm a, khoản 2 Điều này, phải có danh mục những văn bản đã được ban hành, thông tin, số liệu minh chứng;

c) Tình hình giải quyết, trả lời kết nghị đã trả lời là “đang giải quyết” và “sẽ giải quyết” của các kỳ họp trước, trong đó nêu rõ những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân; tổng hợp những vấn đề bức xúc mà cử tri quan tâm, kiến nghị nhiều lần, qua nhiều kỳ họp; kiến nghị liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung, ban hành, bãi bỏ cơ chế, chính sách, quy định của tỉnh và kiến nghị liên quan đến các nguồn lực nên chưa thể thực hiện ngay được;

d) Đối với kiến nghị có nội dung phức tạp hoặc có liên quan đến nhiều vấn đề phải giải quyết cần có thêm thời gian để nghiên cứu, kiểm tra, xác minh, xử lý thì phải đề xuất cụ thể về thời gian giải quyết và trả lời;

đ) Các sở, ban, ngành, địa phương chậm giải quyết, còn để tồn đọng kéo dài, chưa giải quyết dứt điểm (nếu có) đối với các kiến nghị của cử tri phải tiến hành kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu trong việc chậm xem xét giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Điều 10. Thời hạn giải quyết và trả lời kiến nghị của các sở, ban, ngành, địa phương

1. Đối với các kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy chế này được giao các sở, ban, ngành, địa phương chủ trì giải quyết thì trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản giao; phải có văn bản tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết, trả lời để báo cáo kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh theo quy định.

2. Đối với các kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết, trả lời của các sở, ngành, địa phương quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 4 Quy chế này, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị; phải có trách nhiệm nghiên cứu, giải quyết và trả lời cử tri; gửi văn bản trả lời cử tri đến Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh nơi có cử tri kiến nghị và các cơ quan, cá nhân có liên quan theo quy định của Quy chế.

3. Đối với kiến nghị có nội dung phức tạp hoặc có liên quan đến nhiều vấn đề phải giải quyết cần có thêm thời gian để nghiên cứu, kiểm tra, xác minh, xử lý thì các sở, ban, ngành, địa phương phải có văn bản đề nghị gia hạn thời gian giải quyết và trả lời, thời gian đề nghị gia hạn không quá 30 ngày đối với tất cả các kiến nghị quy định tại khoản 1, Điều 4 Quy chế này. Văn bản đề nghị gia hạn thời gian giải quyết, trả lời kiến nghị của các sở, ban, ngành, địa phương phải được gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 11. Xử lý đối với kiến nghị của cử tri có nội dung liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước và kiến nghị có thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và các luật chuyên ngành

1. Đối với kiến nghị của cử tri có nội dung liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và các luật chuyên ngành: Các sở, ban, ngành, địa phương từ chối trả lời hoặc trả lời nhưng phải tuân theo quy trình giải quyết, quản lý và phát hành văn bản theo chế độ mật; báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị theo chế độ mật, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Đối với kiến nghị của cử tri có nội dung, thông tin được tiếp cận có điều kiện theo quy định tại Điều 7 của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và các luật chuyên ngành: Các sở, ban, ngành, địa phương nghiên cứu, giải quyết, trả lời cử tri với mức độ phù hợp; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Triển khai thực hiện Quy chế

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Quy chế này.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định tại Quy chế này, các sở, ban, ngành, địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy chế trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

Điều 13. Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật

1. Kết quả thực hiện Quy chế là một trong những tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng hằng năm của các sở, ban, ngành, địa phương và của cá nhân thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

2. Định kỳ hằng năm, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiến độ, chất lượng giải quyết kiến nghị cử tri của các sở, ban, ngành, địa phương; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp chế tài đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân để xảy ra chậm trễ trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri.

3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, căn cứ kết quả triển khai thực hiện Quy chế để bổ sung vào các tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm của các sở, ban, ngành, địa phương.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh phải sửa đổi, bổ sung: Các sở, ban, ngành, địa phương phải phản ánh kịp thời bằng văn bản về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.